

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 207/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn E, xã T, TP ., tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đại P, sn 1985

Địa chỉ: Công ty L2 (Phòng 906, toà CT4-1, KĐT M, đường P, phường M, quận N, TP . Hà Nội)

(Hợp đồng uỷ quyền số 220424/UQ-LKT ngày 22/4/2024)

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1949

Địa chỉ: Thôn 5, xã Thiệu Vân, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn F, xã T, TP ., tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị T: Ông Trần Đại P, sn 1985

Địa chỉ: Công ty L2 (Phòng 906, toà CT4-1, KĐT M, đường P, phường M, quận N, TP . Hà Nội)

(Hợp đồng uỷ quyền số 220430/UQ-LKT ngày 16/8/2024)

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Vợ chồng cụ Trần Văn P1 (sinh năm 1936 chết năm 1998) và cụ Hoàng Thị L1 (sinh năm 1949) có 02 con chung là ông Trần Văn Đ và ông Trần Văn L, ngoài ra hai cụ không có con riêng, con nuôi

Quá trình chung sống cụ P1, cụ L1 có khối tài sản chung là diện tích đất ở tại thửa đất số 509, tờ bản đồ số 09, diện tích 245,8m<sup>2</sup>; Địa chỉ thửa đất tại thôn E, xã T, TP .. Năm 1998 cụ P1 chết không để lại di chúc. Nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1 gồm: Cụ Hoàng Thị L1 (vợ), ông Trần Văn L (con trai cả) và ông Trần Văn Đ (con trai thứ 2) thống nhất xác định: Diện tích thửa đất số 509, tờ bản đồ số 09; Địa chỉ thửa đất tại thôn E, xã T, TP . có diện tích 245,8m<sup>2</sup>, đã bị thu hồi 11,2m<sup>2</sup> để làm đường giao thông còn lại 234,6m<sup>2</sup> là tài sản chung của cụ P1 và cụ L1, có trị giá 1.407.600.000đ; 1/2 diện tích thửa đất (nêu trên) = 117,3m<sup>2</sup> trị giá 703.800.000đ là di sản của cụ Trần Văn P1 để lại. Ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên thửa đất này do vợ chồng ông Đ bà T xây dựng, không thuộc di sản thừa kế.

Cụ Hoàng Thị L1, ông Trần Văn L và ông Trần Văn Đ thỏa thuận như sau: Diện tích 117,3m<sup>2</sup> có trị giá là 703.800.000đ di sản của cụ P1 chia đều cho 3 người gồm: Cụ L1, ông L, ông Đ, mỗi người được hưởng kỹ phần là 39,1m<sup>2</sup> = 234.600.000đ. Ông L giao toàn bộ 39,1m<sup>2</sup> ông được hưởng cho ông Đ toàn quyền sử dụng và nhận từ ông Đ số tiền 200.000.000đ, số còn lại trong kỹ phần thừa kế ông được hưởng là 34.600.000đ ông nhường cho cụ L1; Kỹ phần thừa kế cụ L1 được hưởng là 39,1m<sup>2</sup> = 234.600.000đ và phần thừa kế trị giá 34.600.000đ mà ông L nhường cho cụ nay cụ nhường toàn bộ cho ông Trần Văn Đ; Ông Trần Văn Đ có toàn quyền sử dụng đối với ½ diện tích thửa đất số 509, tờ bản đồ số 09, là 117,3m<sup>2</sup>; địa chỉ tại thôn E, xã T, TP .; Giấy chứng nhận QSDĐ số BL935229 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/6/2012 mang tên cụ Hoàng Thị L1.

Ông Trần Văn Đ và cụ Hoàng Thị L1 không yêu cầu Tòa án phân định mốc giới, vị trí phần đất mà ông Đ được quyền sử dụng (nêu trên) với phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ L1 trong khối tài sản chung với cụ P1 trong thửa đất số 509 tờ

bản đồ số 09; địa chỉ tại thôn E, xã T, TP .. Ông Đ, cụ L1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký sử dụng đất theo quy định.

Ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ giao lại cho ông Trần Văn L số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) trị giá kỳ phân thừa kế ông L được hưởng. Việc giao tiền thực hiện thành hai kỳ cụ thể như sau: Kỳ 1, chậm nhất là ngày 30/8/2026 ông Đ giao cho ông L 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); Kỳ 2: Chậm nhất là ngày 30/8/2028 ông Đ giao cho ông L 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

*Cụ Hoàng Thị L1, ông Trần Văn L, ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị T thỏa thuận:* Ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên thửa đất số 509 tờ bản đồ số 09; địa chỉ tại thôn E, xã T, thành phố T; Giấy chứng nhận QSDĐ số BL935229 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/6/2012 mang tên cụ Hoàng Thị L1 không thuộc di sản thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Cụ Hoàng Thị L1 không phải chịu án phí vì thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí; Ông Trần Văn L phải chịu 5.000.000đ án phí có giá ngạch; Ông Trần Văn Đ phải chịu 12.076.000đ án phí có giá ngạch, được trừ vào số tiền 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001691 ngày 05/7/2024 của Chi cục THA dân sự TP .. Ông Trần Văn Đ còn phải nộp 10.826.000đ tiền án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** *Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Nga**

